

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v: ly hôn giữa

Chị Nguyễn Thị K và anh Đồng  
Minh L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ
2. Bà Vương Thị Minh Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1/52 phố X, đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

*2. Bị đơn:* Anh Đồng Minh L, sinh năm 1981; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5/207 đường S, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị K có mặt, anh L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện ngày 29-4-2020, bản tự khai ngày 12-5-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đồng Minh L kết hôn có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định vào Tháng 9-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên khác biệt nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra va

chạm, cãi nhau. Anh L không quan tâm tới gia đình, sống thiếu trách nhiệm làm ảnh hưởng đến kinh tế chung của vợ chồng. Chị đã nói chuyện động viên anh L sửa chữa nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã ly thân từ tháng 01-2020 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, quan hệ vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đồng Minh L.

- *Về con chung*: chị K xác nhận vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đồng Minh L vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đồng Minh L.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Đồng Minh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra va chạm cãi nhau. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng anh L không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay chị K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với anh L.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị K và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Đồng Minh L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị K và anh L không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Đồng Minh L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị K đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002881 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đồng Minh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Hà**